

THỐNG KÊ KHẢO SÁT HỌC SINH LỚP 7 NĂM HỌC 2016 – 2017

STT	Phòng GD&ĐT	Số HS tham gia	Điểm < 1		1 =< Điểm < 2.5		2.5 =< Điểm =< 4.75		0 =< Điểm < 5		5 =< Điểm =< 7.75		Điểm >= 8	
			SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)
1	Quận 1	1978	13	0.66	73	3.69	1139	57.58	1374	69.46	402	20.32	0	0
2	Quận 2	852	3	0.35	60	7.04	624	73.24	727	85.33	83	9.74	0	0
3	Quận 3	1940	11	0.57	78	4.02	1166	60.1	1384	71.34	361	18.61	0	0
4	Quận 4	811	8	0.99	78	9.62	652	80.39	759	93.59	40	4.93	1	0.12
5	Quận 5	1733	10	0.58	99	5.71	1175	67.8	1375	79.34	247	14.25	0	0
6	Quận 6	1654	17	1.03	131	7.92	1180	71.34	1405	84.95	126	7.62	3	0.18
7	Quận 7	1378	4	0.29	88	6.39	950	68.94	1109	80.48	148	10.74	1	0.07
8	Quận 8	1884	34	1.8	213	11.31	1351	71.71	1662	88.22	122	6.48	0	0
9	Quận 9	1853	16	0.86	141	7.61	1287	69.45	1530	82.57	208	11.23	0	0
10	Quận 10	1270	10	0.79	96	7.56	833	65.59	1005	79.13	162	12.76	0	0
11	Quận 11	1318	17	1.29	113	8.57	958	72.69	1132	85.89	85	6.45	2	0.15
12	Quận 12	2687	36	1.34	280	10.42	1902	70.79	2328	86.64	197	7.33	0	0
13	Quận Bình Tân	2701	18	0.67	216	8	2027	75.05	2351	87.04	166	6.15	0	0
14	Quận Bình Thạnh	2216	14	0.63	109	4.92	1621	73.15	1859	83.89	223	10.06	1	0.05
15	Quận Gò Vấp	3038	29	0.95	191	6.29	2104	69.26	2462	81.04	475	15.64	1	0.03
16	Quận Phú Nhuận	704	6	0.85	21	2.98	391	55.54	482	68.47	136	19.32	4	0.57
17	Quận Tân Bình	2687	28	1.04	200	7.44	1834	68.25	2201	81.91	333	12.39	2	0.07
18	Quận Tân Phú	2850	17	0.6	178	6.25	1853	65.02	2209	77.51	370	12.98	2	0.07
19	Quận Thủ Đức	1964	15	0.76	197	10.03	1312	66.8	1603	81.62	189	9.62	0	0
20	Huyện Bình Chánh	2797	18	0.64	219	7.83	2202	78.73	2533	90.56	166	5.93	1	0.04
21	Huyện Cần Giờ	576	3	0.52	60	10.42	439	76.22	517	89.76	28	4.86	0	0
22	Huyện Củ Chi	2530	30	1.19	272	10.75	1830	72.33	2229	88.1	165	6.52	0	0
23	Huyện Hóc Môn	2842	39	1.37	232	8.16	2015	70.9	2391	84.13	166	5.84	0	0
24	Huyện Nhà Bè	867	8	0.92	69	7.96	613	70.7	731	84.31	101	11.65	0	0
	Tổng	45130	404	0.9	3414	7.56	31458	69.71	37358	82.78	4699	10.41	18	0.04